

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2025/TLST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A; Địa chỉ: 442 N, phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ Tổng giám đốc. (Nay là: Số 442 N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó giám đốc phòng quản lý nợ (Văn bản ủy quyền số 1214/UQ-QLN ngày 06/8/2024). Nơi cư trú: Lầu 8 Tòa nhà ACB, 444A-446 C, phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Ngọc T. Địa chỉ: Số 188 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là: Số 188 T, Phường Đ, tỉnh Quảng Trị).

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay là: Thôn Đ, Xã N, tỉnh Quảng Trị).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các bên đương sự thống nhất về tiền nợ gốc và lãi:

Căn cứ các hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng TMCP A và Chị Bùi Thị Hồng T gồm: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số QBI.CN.2247.190822 ngày 22/8/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số QBI.CN.2249.190822 ngày 22/8/2022; Hợp đồng cấp tín dụng số

QBI.CN.2248.190822 ngày 22/8/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho khách hàng cá nhân ngày 19/9/2022, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho khách hàng cá nhân ngày 19/9/2022; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB; Các văn bản khác của bà Bùi Thị Hồng T ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Các bên đương sự thống nhất: Tính đến ngày 09/7/2025, tổng dư nợ gốc và lãi mà chị Bùi Thị Hồng T còn nợ và phải cho Ngân hàng TMCP A là: **2.273.764.412 đồng** (bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, bốn trăm mười hai đồng). Trong đó gồm: vốn gốc 2.028.141.918 đồng, lãi trong hạn 69.940.611 đồng, lãi quá hạn 171.057.642 đồng, phạt chậm trả lãi 4.624.241 đồng.

- Các bên đã thống nhất phương án, lộ trình và thời gian chị Bùi Thị Hồng T trả nợ cho Ngân hàng TMCP A như sau:

Chậm nhất đến hết ngày 09 tháng 09 năm 2025 thì bà Bùi Thị Hồng Thuý phải thanh toán cho Ngân hàng ACB hết một lần và thanh toán toàn bộ tổng số tiền: **2.273.764.412 đồng** (trong đó gồm: vốn gốc 2.028.141.918 đồng, lãi trong hạn 69.940.611 đồng, lãi quá hạn 171.057.642 đồng, phạt chậm trả lãi 4.624.241 đồng).

Ngoài ra, bà Bùi Thị Hồng T còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB tính kể từ ngày 10/7/2025 đến ngày trả hết nợ.

- Về xử lý tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay đến hạn trả nợ gốc, trả nợ mà bà Bùi Thị Hồng Thuý không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng:

Trường hợp đến hết ngày 09 tháng 9 năm 2025 nếu bà Bùi Thị Hồng T vi phạm không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì Ngân hàng ACB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo khoản vay là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 16, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị) (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 063341, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 19 tháng 11 năm 2021; số vào sổ cấp GCN: CS 02221, Giấy chứng nhận mang tên “Bà Nguyễn Thị H”; đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Quảng Bình chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Hồng T), thửa đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà T để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà Thuý đồng ý để Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Bùi Thị Hồng T để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận bà Bùi Thị Hồng T phải chịu nộp án phí án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 37.737.644 đồng (làm tròn thành: 37.738.000 đồng) (*Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn*).

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí là: 37.582.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0002868 ngày 25 tháng 4 năm 2025.

- Về chi phí thẩm định tại chỗ:

Các đương sự thống nhất thỏa thuận bà Bùi Thị Hồng T chịu số tiền chi phí thẩm định là 1.700.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Do Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng chi phí và chi đủ toàn bộ số tiền chi phí thẩm định nêu trên nên các đương sự thống nhất bà Bùi Thị Hồng T phải có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 1.700.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1, tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự (.....);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Phú Quảng